

## **KẾ HOẠCH**

### **Tuyển sinh các cấp học mầm non, phổ thông năm học 2022-2023**

Căn cứ Nghị quyết số 56/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/ĐH, ngày 30/9/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Chương trình số 04/CT-SGDĐT ngày 29/9/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Chương trình công tác trọng tâm năm học 2021 - 2022;

Căn cứ Công văn số 461/UBND-KGVX ngày 18/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về kế hoạch tuyển sinh các cấp học mầm non, phổ thông năm học 2022-2023.

Sở Giáo dục và Đào tạo Kon Tum ban hành Kế hoạch tuyển sinh các cấp học mầm non, phổ thông năm học 2022-2023, gồm các nội dung cụ thể sau:

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Mục tiêu chung**

- Đảm bảo sự công bằng trong tuyển sinh. Vùng tuyển sinh được xác định đảm bảo vừa tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân vừa đảm bảo quy định về tuyển sinh và chế độ của Nhà nước.

- Đối với cấp học mầm non, cấp tiểu học và THCS: Phân đầu huy động tối đa trẻ đúng độ tuổi ra lớp, đảm bảo tất cả trẻ em trong độ tuổi có nhu cầu đều được học và đảm bảo mục tiêu phổ cập giáo dục; đảm bảo chất lượng tuyển sinh.

- Đối với cấp THPT: Đẩy mạnh phân luồng đối tượng học sinh, vận động những học sinh không đáp ứng được chương trình GDPT tham gia vào học nghề trình độ trung cấp kết hợp học chương trình GDTX cấp THPT.

##### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Đối với cấp mầm non: Nhà trẻ (dưới 3 tuổi): 18,6%; Mẫu giáo (từ 3 đến dưới 5 tuổi): 92,4%; Trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 99,9%;

- Đối với cấp Tiểu học: Trẻ 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 100%;

- Đối với cấp THCS: Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 đạt 99,5%;

- Đối với cấp THPT: Học sinh tốt nghiệp THCS vào học lớp 10 (GDPT và

GDTX) đạt 70,0%.

## II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

### 1. Tuyển sinh vào các trường trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố

Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2022-2023 được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các huyện, thành phố tại Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 10/12/2021;

Căn cứ mục tiêu của Kế hoạch.

Phòng Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phê duyệt kế hoạch tuyển sinh trên địa bàn. Trong đó, việc giao chỉ tiêu tuyển sinh, xác định địa bàn tuyển sinh cho các trường cần phù hợp với điều kiện của các trường và thuận lợi với điều kiện học tập của học sinh.

*Thời gian hoàn thành: Trước ngày 30/7/2022.*

### 2. Tuyển sinh các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

| TT                                                                                                                                                         | Trường                                  | Đối tượng/<br>Địa bàn tuyển sinh                                                                                                                           | Phương thức<br>tuyển sinh                                         | Ngày bốc<br>thăm, kiểm<br>tra, thi tuyển | Ngày hoàn<br>thành tuyển sinh |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------|
| <b>2.1. Tuyển sinh vào các trường thực hành sư phạm, các trường trung học phổ thông và Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Liên Việt Kon Tum</b> |                                         |                                                                                                                                                            |                                                                   |                                          |                               |
| <b>2.1.1. Tuyển sinh mầm non</b>                                                                                                                           |                                         |                                                                                                                                                            |                                                                   |                                          |                               |
|                                                                                                                                                            | Mầm non<br>THSP Kon<br>Tum              | - Đối tượng: Nhà trẻ: trẻ dưới 36 tháng tuổi; Mẫu giáo: trẻ từ 3 tuổi;<br>- Địa bàn: Trẻ có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Kon Tum.                           | Xét tuyển.                                                        | 05/6/2022                                | 07/6/2022                     |
| <b>2.1.2. Tuyển sinh vào lớp 1</b>                                                                                                                         |                                         |                                                                                                                                                            |                                                                   |                                          |                               |
|                                                                                                                                                            | Tiểu học<br>THSP Ngụ<br>Như Kon<br>Tum  | - Đối tượng: Trong độ tuổi quy định;<br>- Địa bàn: Trẻ có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Kon Tum.                                                             | Xét tuyển.                                                        | 05/6/2022                                | 07/6/2022                     |
| <b>2.1.3. Tuyển sinh vào lớp 6</b>                                                                                                                         |                                         |                                                                                                                                                            |                                                                   |                                          |                               |
| a                                                                                                                                                          | THCS và<br>THPT Liên<br>Việt Kon<br>Tum | - Đối tượng: Trong độ tuổi quy định, hoàn thành chương trình tiểu học;<br>- Địa bàn: Học sinh có hộ khẩu thường trú hoặc đăng ký tạm trú tại tỉnh Kon Tum. | Kết hợp xét tuyển với kiểm tra môn Tiếng Việt, Toán và Tiếng Anh. | 06,07/6/2022                             | 12/6/2022                     |
| b                                                                                                                                                          | THCS<br>THSP Lý                         | - Đối tượng: Trong độ tuổi quy định, hoàn thành                                                                                                            | - Đối tượng 1: Kết hợp                                            | 06,07/6/2022                             | - Đối tượng 1: 12/6/2022;     |

| TT                                  | Trường                                    | Đối tượng/<br>Địa bàn tuyển sinh                                                                                                                                                                                                  | Phương thức<br>tuyển sinh                                                                                           | Ngày bốc<br>thăm, kiểm<br>tra, thi tuyển | Ngày hoàn<br>thành tuyển sinh           |
|-------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------|
|                                     | Tự Trọng                                  | chương trình tiểu học;<br>- Địa bàn:<br>+ Học sinh có hộ khẩu thường trú hoặc đăng ký tạm trú tại tỉnh Kon Tum (Đối tượng 1);<br>+ Học sinh có hộ khẩu thường trú tại phường Quyết Thắng - TP. Kon Tum (Đối tượng 2).             | xét tuyển với kiểm tra môn Tiếng Việt, Toán và Tiếng Anh;<br>- Đối tượng 2: Xét tuyển.                              |                                          | - Đối tượng 2: 21/6/2022.               |
| c                                   | THPT Ngô Mây                              | - Đối tượng: Trong độ tuổi quy định, hoàn thành chương trình tiểu học;<br>- Địa bàn: Học sinh có hộ khẩu thường trú tại phường Ngô Mây và thôn Trung Thành, xã Vinh Quang - Tp. Kon Tum.                                          | Xét tuyển.                                                                                                          |                                          | 21/6/2022                               |
| <b>2.1.4. Tuyển sinh vào lớp 10</b> |                                           |                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                     |                                          |                                         |
| a                                   | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành              | - Đối tượng: Trong độ tuổi quy định, tốt nghiệp THCS từ loại Khá trở lên; xếp loại học lực và hạnh kiểm các lớp cấp THCS từ loại Khá trở lên;<br>- Địa bàn: Học sinh có hộ khẩu thường trú hoặc đăng ký tạm trú tại tỉnh Kon Tum. | Tổ chức theo 02 vòng:<br>+ Vòng 1: Sơ tuyển;<br>+ Vòng 2: Thi tuyển các môn Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh và môn Chuyên. | 02,03/6/2022                             | 10/6/2022                               |
| b                                   | THCS và THPT Liên Việt Kon Tum            | - Đối tượng: Trong độ tuổi quy định, tốt nghiệp THCS;<br>- Địa bàn: Học sinh có hộ khẩu thường trú hoặc đăng ký tạm trú tại tỉnh Kon Tum.                                                                                         | Kết hợp Xét tuyển với Thi tuyển các môn: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.                                                  | 13,14/6/2022                             | 27/6/2022                               |
| c                                   | Các trường THPT còn lại và Phân hiệu THPT | - Đối tượng: Trong độ tuổi quy định, tốt nghiệp THCS;                                                                                                                                                                             |                                                                                                                     |                                          | - Công bố kết quả xét tuyển: 01/7/2022; |

| TT                                                              | Trường                                                                                   | Đối tượng/<br>Địa bàn tuyển sinh                                                                                                                                                                                                                                        | Phương thức<br>tuyển sinh                                          | Ngày bốc<br>thăm, kiểm<br>tra, thi tuyển | Ngày hoàn<br>thành tuyển sinh                                                                                                             |
|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                 | Lương Thế Vinh                                                                           | - Địa bàn: Theo Phụ lục 1, 2 đính kèm.                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                    |                                          | - Xét tuyển bổ sung (nếu có): 05/7/2022.                                                                                                  |
| <b>2.2. Tuyển sinh vào các trường phổ thông dân tộc nội trú</b> |                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                    |                                          |                                                                                                                                           |
| 2.2.1                                                           | Tuyển sinh vào lớp 8,9 (Trường PTDTNT các huyện, diện hưởng chế độ nội trú)              | - Đối tượng: Theo Điều 18, Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú ban hành kèm theo Thông tư 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.                                                                          | Xét tuyển.                                                         |                                          | 21/6/2022                                                                                                                                 |
| 2.2.2                                                           | Tuyển sinh vào lớp 10                                                                    | - Địa bàn:                                                                                                                                                                                                                                                              | Kết hợp Xét tuyển với Thi tuyển các môn: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh. | 13,14/6/2022                             | - PT DTNT tỉnh: 27/6/2022.<br>- PT DTNT huyện:<br>+ Diện hưởng chế độ nội trú: 29/6/2022.<br>+ Diện không hưởng chế độ nội trú: 01/7/2022 |
| a.                                                              | Trường phổ thông dân tộc nội trú Tỉnh                                                    | + Trường PTDTNT tỉnh: Tuyển sinh toàn tỉnh;<br>+ Các trường PTDTNT huyện: Tuyển sinh trên địa bàn huyện mà trường đứng chân.                                                                                                                                            |                                                                    |                                          |                                                                                                                                           |
| b.                                                              | Các trường phổ thông dân tộc nội trú huyện và Phân hiệu Trường PTDTNT Tỉnh tại Ia H'Drai | - Tuyển thẳng các đối tượng sau:<br>+ Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người;<br>+ Học sinh người dân tộc thiểu số thuộc đối tượng tuyển sinh đạt giải quốc gia trở lên về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học. |                                                                    |                                          |                                                                                                                                           |
|                                                                 | - Diện hưởng chế độ nội trú                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                    |                                          |                                                                                                                                           |
|                                                                 | - Diện không hưởng chế độ nội trú                                                        | - Đối tượng: học sinh không đủ điều kiện hưởng chế độ nội trú vào học lớp 10 hệ trung học phổ thông;<br>- Địa bàn: Theo Phụ lục 1, 2 đính kèm.                                                                                                                          |                                                                    |                                          |                                                                                                                                           |

**\* Lưu ý đối với tuyển sinh vào lớp 10 các trường THPT, PT DTNT (Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành tổ chức kỳ thi tuyển sinh riêng):**

- Thí sinh được đăng ký 03 nguyện vọng xét tuyển vào các trường THPT, trường PTDTNT (diện không hưởng chế độ nội trú) trên địa bàn qui định (các nguyện vọng xét tuyển có thể ở các nhóm môn<sup>1</sup> khác nhau của cùng một trường hay ở các trường khác nhau). Việc xét tuyển các nguyện vọng 2 và 3 được thực hiện trong trường hợp các trường còn thiếu chỉ tiêu.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển nguyện vọng 1 vào trường nào phải dự thi tại trường đó. Thí sinh đăng ký tuyển sinh vào Trường THCS và THPT Liên Việt Kon Tum; Trường PT DTNT tỉnh; diện có chế độ nội trú các trường PT DTNT huyện nếu không trúng tuyển thì được tiếp tục xét tuyển 03 nguyện vọng vào các trường THPT, trường PTDTNT (diện không hưởng chế độ nội trú) trên địa bàn qui định.

### **3. Tuyển sinh vào Trung tâm GDTX tỉnh Kon Tum và Trung tâm GDNN-GDTX các huyện**

Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Kon Tum và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện tuyển sinh lớp 10 hệ giáo dục thường xuyên đối với người học đã tốt nghiệp THCS có nguyện vọng vào học.

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

- Thời gian hoàn thành: Trước ngày 31/8/2022 (riêng đối với tuyển sinh học viên đang học tại các cơ sở dạy nghề đăng ký học chương trình GDTX cấp THPT: Hoàn thành trước ngày 15/09/2022).

**4. Chỉ tiêu tuyển sinh các trường trực thuộc Sở:** Theo các Phụ lục 3, 4 đính kèm.

### **III. LỆ PHÍ TUYỂN SINH**

Thí sinh dự tuyển đóng lệ phí tuyển sinh theo quy định.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Trên cơ sở Kế hoạch tuyển sinh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, hướng dẫn công tác tuyển sinh đối với các đơn vị trực thuộc và Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố để thực hiện.

- Tổ chức cơ sở dữ liệu tuyển sinh đối với tuyển sinh vào lớp 10.

- Tổ chức thi, xét tuyển sinh vào lớp 10 Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành.

- Tổ chức thi, xét tuyển sinh vào lớp 10 Trường THCS - THPT Liên Việt Kon Tum, các trường THPT còn lại và các trường PTDTNT.

- Ra đề kiểm tra đầu vào đối với tuyển sinh lớp 6 Trường THCS và THPT Liên

<sup>1</sup> Theo định hướng chương trình GDPT 2018 cấp THPT, có 03 nhóm môn sau: Nhóm môn KHTN (Vật lý, Hóa học, Sinh học); Nhóm môn KHXXH (Lịch sử, Địa lý, Giáo dục pháp luật và Kinh tế); Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật (Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật).

Việt Kon Tum và đối tượng 1 Trường THCS THSP Lý Tự Trọng (trong trường hợp số lượng học sinh đăng ký dự tuyển nhiều hơn số lượng tuyển sinh).

- Giám sát công tác tuyển sinh tại các trường: Mầm non THSP Kon Tum, Tiểu học THSP Ngụy Như Kon Tum trong trường hợp các trường tổ chức bốc thăm.

- Phê duyệt kết quả tuyển sinh các đơn vị trực thuộc.

## **2. Đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

- Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo hoàn thành công tác xét tốt nghiệp THCS ngay sau khi kết thúc năm học. Thực hiện tốt công tác tuyển sinh, trong đó chú ý vùng tuyển sinh vừa đảm bảo công tác phổ cập, vừa linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân. Phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh năm học 2022-2023 trên địa bàn.

- Chỉ đạo công tác tuyển sinh vào lớp 10 tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, đảm bảo hoàn thành công tác tuyển sinh trước 31/8/2022 (riêng đối tượng là học viên đang học tại các cơ sở dạy nghề đăng ký học chương trình GDTX cấp THPT: Hoàn thành trước ngày 15/09/2022).

## **3. Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố**

- Hoàn thành công tác xét tốt nghiệp THCS trước ngày 25/5/2022.

- Tham mưu UBND huyện, thành phố kế hoạch tuyển sinh năm học 2022-2023; hướng dẫn công tác tuyển sinh; tổ chức và phê duyệt kết quả tuyển sinh của các đơn vị trực thuộc.

## **4. Các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Lập phương án tuyển sinh của đơn vị trong đó nêu rõ nguồn lực nhà trường; định hướng, địa bàn, chỉ tiêu trình Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét.

- Sau khi có kết quả thi tuyển, trình phương án tuyển sinh; điểm xét tuyển sinh cho từng nguyện vọng, từng nhóm môn trình Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định.

- Thực hiện nghiêm túc hướng dẫn tuyển sinh của Sở Giáo dục và Đào tạo, chủ động tổ chức tuyển sinh đúng theo Kế hoạch và hướng dẫn về công tác tuyển sinh của Sở Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, công khai, chất lượng và tiết kiệm.

Trên đây là Kế hoạch tuyển sinh năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc, các PGĐ (chỉ đạo);
- UBND các huyện, thành phố (phối hợp);
- Các ĐVHC thuộc Sở (thực hiện);
- Các phòng GDĐT (thực hiện);
- Các đơn vị trực thuộc Sở (thực hiện);
- Lưu: VT, QLCLGDCN.

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Thị Trung**

**Phụ lục 1**  
**ĐỊA BÀN TUYỂN SINH VÀ QUY ĐỊNH MỨC ĐIỂM XÉT TUYỂN SINH**  
**GIỮA CÁC NGUYỆN VỌNG**  
**Vào lớp 10 các trường THPT và các trường PTDTNT huyện**  
(Diện không hưởng chế độ nội trú)

**I. ĐỊA BÀN TUYỂN SINH**

**1. Đối với thí sinh có hộ khẩu thường trú hoặc học cấp THCS tại địa bàn tuyển sinh**

- Học sinh có hộ khẩu thường trú hoặc học ít nhất 2 năm cấp THCS tại huyện/thành phố nào thì được đăng ký dự tuyển vào các trường THPT, PTDTNT và các phân hiệu trên địa bàn đó.

- Đối với học sinh thuộc các xã/phường của các huyện thuộc địa bàn giáp ranh với các huyện/thành phố khác thì được đăng ký dự tuyển vào trường THPT, PTDTNT, phân hiệu thuận lợi hơn. Danh sách cụ thể theo quy định tại Phụ lục 2.

**2. Các trường hợp khác:** Các đối tượng không thuộc khoản 1, muốn dự tuyển vào trường nào phải được sự đồng ý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

**II. ĐIỂM XÉT TUYỂN SINH CÁC NGUYỆN VỌNG**

Thí sinh được đăng ký 3 nguyện vọng xét tuyển vào các trường thuộc địa bàn tuyển sinh. Điểm xét tuyển theo phương án tuyển sinh của các trường, đảm bảo theo nguyên tắc điểm xét tuyển vào nguyện vọng sau không thấp hơn điểm xét tuyển vào nguyện vọng trước và mỗi nguyện vọng lệch nhau không quá 1,5 điểm. Cụ thể:

- Điểm xét tuyển vào nguyện vọng 2 cao hơn nguyện vọng 1 nhiều nhất là 1,5 điểm;

- Điểm xét tuyển vào nguyện vọng 3 cao hơn nguyện vọng 2 nhiều nhất là 1,5 điểm.

---

**Phụ lục 2**  
**QUY ĐỊNH ĐỊA BÀN TUYỂN SINH ĐỐI VỚI HỌC SINH**  
**THUỘC CÁC ĐỊA BÀN GIÁP RANH**

| TT | Địa bàn cư trú<br>(Hộ khẩu thường trú) |            | Trường THPT được đăng ký dự tuyển<br>(ngoài địa bàn tuyển sinh) |           |
|----|----------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------|-----------|
|    | Xã/phường                              | Huyện      | Trường THPT                                                     | Huyện/TP  |
| 1  | Đăk La                                 | Đăk Hà     | THPT Ngô Mây                                                    | Kon Tum   |
| 2  | Sa Bình                                | Sa Thầy    |                                                                 |           |
| 3  | Diên Bình                              | Đăk Tô     | THPT Nguyễn Du                                                  | Đăk Hà    |
| 4  | Đăk Tô Kan                             | Tu Mơ Rông | THPT Nguyễn Văn Cừ;<br>PT DTNT Đăk Tô                           | Đăk Tô    |
| 5  | Đăk Rơ Ông                             | Tu Mơ Rông |                                                                 |           |
| 6  | Đăk Sao                                | Tu Mơ Rông |                                                                 |           |
| 7  | Đăk Na                                 | Tu Mơ Rông |                                                                 |           |
| 8  | Tân Cảnh                               | Đăk Tô     | THPT Nguyễn Trãi                                                | Ngọc Hồi  |
| 9  | Đăk Kroong                             | Đăk Gleiz  | THPT Phan Chu Trinh                                             | Ngọc Hồi  |
| 10 | Đăk Môn                                | Đăk Gleiz  |                                                                 |           |
| 11 | Đăk Long                               | Đăk Gleiz  |                                                                 |           |
| 12 | Đăk Ang                                | Ngọc Hồi   | THPT Lương Thế Vinh                                             | Đăk Gleiz |



**PHỤ LỤC 3**  
**CHỈ TIÊU TUYỂN SINH CÁC TRƯỜNG TRỰC THUỘC SỞ GD&ĐT**

**3.1. Đối với các trường mầm non, phổ thông**

| TT | Đơn vị                                | Tổng số HS | Chỉ tiêu | Trong đó, riêng đối với cấp THPT:            |           |                              | Ghi chú              |
|----|---------------------------------------|------------|----------|----------------------------------------------|-----------|------------------------------|----------------------|
|    |                                       |            |          | Nhóm KHTN                                    | Nhóm KHXH | Nhóm Công nghệ và Nghệ thuật |                      |
| 1  | Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành   | 788        | 240      | Chỉ tiêu cụ thể các lớp chuyên tại Phụ lục 4 |           |                              |                      |
| 2  | Trường THPT Kon Tum                   | 1,432      | 480      | 360                                          | 120       | 0                            |                      |
| 3  | Trường THPT Lê Lợi                    | 815        | 320      | 120                                          | 120       | 80                           |                      |
| 4  | Trường THPT Phan Bội Châu             | 340        | 150      | 40                                           | 110       | 0                            |                      |
| 5  | Trường THPT Duy Tân                   | 1,210      | 360      | 240                                          | 120       | 0                            |                      |
| 6  | Trường THPT Trường Chinh              | 905        | 360      | 120                                          | 200       | 40                           |                      |
| 7  | Trường THPT Ngô Mây                   | 828        | 280      | 80                                           |           |                              |                      |
|    | - Trung học phổ thông                 | 493        | 200      | 80                                           | 120       | 0                            |                      |
|    | - Trung học cơ sở                     | 335        | 80       |                                              |           |                              |                      |
| 8  | Trường THPT Trần Quốc Tuấn            | 1,109      | 360      | 120                                          | 120       | 120                          |                      |
| 9  | Trường THPT Nguyễn Du                 | 603        | 200      | 80                                           | 120       | 0                            |                      |
| 10 | Trường THPT Nguyễn Văn Cừ             | 714        | 280      | 160                                          | 120       | 0                            |                      |
| 11 | Trường THPT Nguyễn Trãi               | 1,370      | 440      | 240                                          | 200       | 0                            |                      |
| 12 | Trường THPT Phan Chu Trinh            | 354        | 222      | 37                                           | 185       | 0                            |                      |
| 13 | Trường THPT Lương Thế Vinh            | 528        | 220      | 110                                          | 110       | 0                            |                      |
| 14 | Trường THPT Quang Trung               | 628        | 260      | 115                                          | 115       | 30                           |                      |
| 15 | Trường THPT Chu Văn An                | 290        | 140      | 70                                           | 70        | 0                            |                      |
| 16 | Phân hiệu THPT Lương Thế Vinh         | 147        | 70       | 35                                           | 35        | 0                            |                      |
| 17 | Trường THCS và THPT Liên Việt Kon Tum | 1,364      | 400      |                                              |           |                              |                      |
|    | - Trung học phổ thông                 | 306        | 200      | 120                                          | 80        | 0                            |                      |
|    | - Trung học cơ sở                     | 1,058      | 200      |                                              |           |                              |                      |
| 18 | Trường THCS-THSP Lý Tự Trọng          | 1,504      | 400      |                                              |           |                              | ĐT 1: 160; ĐT 2: 240 |

| TT | Đơn vị                          | Tổng số HS | Chỉ tiêu | Trong đó, riêng đối với cấp THPT: |           |                              | Ghi chú |
|----|---------------------------------|------------|----------|-----------------------------------|-----------|------------------------------|---------|
|    |                                 |            |          | Nhóm KHTN                         | Nhóm KHXH | Nhóm Công nghệ và Nghệ thuật |         |
| 19 | Trường TH THSP Ngụy Như Kon Tum | 1,265      | 200      |                                   |           |                              |         |
| 20 | Trường Mầm non THSP Kon Tum     | 568        | 162      |                                   |           |                              |         |
|    | - Nhà trẻ                       | 70         | 72       |                                   |           |                              |         |
|    | - Mẫu giáo                      | 498        | 90       |                                   |           |                              |         |
|    | <b>Tổng theo cấp học:</b>       |            |          |                                   |           |                              |         |
|    | - THPT:                         | 12,032     | 4,502    | 2,047                             | 1,945     | 270                          |         |
|    | - THCS:                         | 2,897      | 680      |                                   |           |                              |         |
|    | - TH:                           | 1,265      | 200      |                                   |           |                              |         |
|    | - MN:                           | 568        | 162      |                                   |           |                              |         |

20,403

9,185





3.2. Đối với các trường Phổ thông Dân tộc nội trú

| TT        | ĐƠN VỊ                               | Toàn trường |          | Trong đó:                                      |                     |                           |                                 |           |           |                              | Ghi chú |
|-----------|--------------------------------------|-------------|----------|------------------------------------------------|---------------------|---------------------------|---------------------------------|-----------|-----------|------------------------------|---------|
|           |                                      |             |          | Trung học cơ sở<br>(Diện hưởng chế độ nội trú) | Trung học phổ thông |                           |                                 |           |           |                              |         |
|           |                                      | Tổng số HS  | Chỉ tiêu |                                                | Tổng                | Diện hưởng chế độ nội trú | Diện không hưởng chế độ nội trú | Nhóm KHTN | Nhóm KHXH | Nhóm Công nghệ và Nghệ thuật |         |
| 1         | Trường PT DTNT tỉnh                  | 500         | 160      | 0                                              | 160                 | 160                       | 0                               | 35        | 125       | 0                            |         |
| 2         | Trường PT DTNT huyện Đắk Hà          | 400         | 243      | 40                                             | 203                 | 113                       | 90                              | 45        | 118       | 40                           |         |
| 3         | Trường PT DTNT huyện Đắk Tô          | 390         | 195      | 70                                             | 125                 | 75                        | 50                              | 32        | 60        | 33                           |         |
| 4         | Trường PT DTNT huyện Đắk Glei        | 411         | 209      | 70                                             | 139                 | 69                        | 70                              | 69        | 70        | 0                            |         |
| 5         | Trường PT DTNT huyện Sa Thầy         | 480         | 230      | 70                                             | 160                 | 63                        | 97                              | 60        | 70        | 30                           |         |
| 6         | Trường PT DTNT huyện Kon Rẫy         | 310         | 175      | 70                                             | 105                 | 65                        | 40                              | 0         | 105       | 0                            |         |
| 7         | Trường PT DTNT THPT huyện Kon Plong  | 495         | 245      | 35                                             | 210                 | 140                       | 70                              | 35        | 175       | 0                            |         |
| 8         | Trường PT DTNT huyện Tu Mơ Rông      | 445         | 190      | 0                                              | 190                 | 180                       | 10                              | 90        | 100       | 0                            |         |
| 9         | Phân hiệu PT DTNT tỉnh tại Ia H'Drai | 210         | 80       | 0                                              | 80                  | 60                        | 20                              | 40        | 40        | 0                            |         |
| Tổng cộng |                                      | 3,641       | 1,727    | 355                                            | 1,372               | 925                       | 447                             | 406       | 863       | 103                          |         |

**Phụ lục 4**  
**Chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành**

**I. Chỉ tiêu tuyển sinh:** 240 học sinh.

**II. Chỉ tiêu cụ thể:**

**1. Lớp không chuyên:** 01 lớp (30 học sinh).

**2. Lớp chuyên:** 07 lớp (210 học sinh, 30 học sinh/lớp). Phân bổ 210 chỉ tiêu cho 07 lớp chuyên như sau:

| TT           | Môn chuyên | Chỉ tiêu   | Môn thi chuyên | Hình thức thi           | Lớp chuyên                        | Ghi chú |
|--------------|------------|------------|----------------|-------------------------|-----------------------------------|---------|
| 1            | Toán       | 30         | Toán           | Tự luận                 | Toán                              |         |
| 2            | Tin học    | 20         | Tin học        | Lập trình trên máy tính | Tin học, Vật lí, Sinh học; 02 lớp |         |
| 3            | Vật lí     | 20         | Vật lí         | Tự luận                 |                                   |         |
| 4            | Sinh học   | 20         | Sinh học       | Tự luận                 |                                   |         |
| 5            | Hóa học    | 30         | Hóa học        | Tự luận                 | Hóa học                           |         |
| 6            | Ngữ văn    | 30         | Ngữ văn        | Tự luận                 | Ngữ văn                           |         |
| 7            | Lịch sử    | 15         | Lịch sử        | Tự luận                 | Lịch sử, Địa lí; 01 lớp           |         |
| 8            | Địa lí     | 15         | Địa lí         | Tự luận                 |                                   |         |
| 9            | Tiếng Anh  | 30         | Tiếng Anh      | Tự luận                 | Tiếng Anh                         |         |
| <b>Cộng:</b> |            | <b>210</b> |                |                         |                                   |         |

**3. Nguyên tắc xét tuyển vào lớp chuyên**

- Điểm thi môn chung đạt từ 4,0 điểm trở lên, điểm thi môn chuyên đạt từ 5,0 điểm trở lên.
- Số lượng tuyển sinh có thể thấp hơn chỉ tiêu tuyển sinh.

**4. Nguyên tắc xét tuyển vào lớp không chuyên**

- Tuyển sinh từ số thí sinh không đỗ vào các lớp chuyên (Xét tổng điểm thi của các môn không chuyên).
  - Điểm thi môn không chuyên đạt từ 4,0 điểm trở lên.
-